

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
1.	1.004320	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)
2.	1.013371	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)
3.	1.004303	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)
4.	2.001748	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)
5.	1.010889	Xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
6.	1.011893	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
7.	1.014340	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện
8.	1.011885	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần
9.	1.013389	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và không sử dụng số thuê bao viễn thông phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)
10.	1.010891	Cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
11.	2.001757	Cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển
12.	1.004957	Sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển
13.	1.013386	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với Doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích
14.	1.014009	Phân bổ mã, số viễn thông theo phương thức trực tiếp
15.	1.014014	Hoàn trả mã, số viễn thông được phân bổ theo phương thức trực tiếp
16.	1.004947	Kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ

I. Quy trình thủ tục cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023.
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
2	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.
3	Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP.
4	Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
5	Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
2	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp DVC trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
	Phí	Lệ phí	
10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.	Theo Thông tư 52/2025/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí cung cấp dịch vụ viễn thông nộp theo quy định tại điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông	1.000.000 đồng/giấy phép	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	Mẫu số 04 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
2	Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép.	Mẫu số 02 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP
3	Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông	Mẫu số 10 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông.

8. Quy trình giải quyết

Các bước thực hiện	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian xử lý (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một của của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, đủ điều kiện tiếp nhận. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	- Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tuyến: Tiếp nhận và chuyển hồ sơ không quá 0.5 ngày kể từ khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tiếp nhận hồ sơ hoặc theo thời hạn được quy định tại pháp luật chuyên ngành. - Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp và thông qua dịch vụ bưu chính công ích: Tiếp nhận hồ sơ, số hoá hồ sơ; chuyển ngay đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong thời gian không quá 0.5 ngày kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN (đơn vị được	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, chỉ đạo phân công chuyên viên của Phòng giải quyết hồ sơ.	01 ngày

Các bước thực hiện	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian xử lý (Ngày làm việc)
	giao xử lý)		
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng về tính hợp lệ, các yêu cầu, điều kiện theo quy định thì dự thảo văn bản thông báo về hồ sơ không hợp lệ; từ chối cấp phép và Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục, nêu rõ lý do không hợp lệ, từ chối cấp phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. + Trường hợp, hồ sơ đáp ứng quy định về tính hợp lệ theo quy định thì gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị trong Cục, Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan về cấp phép (nếu cần thiết) theo thẩm quyền cấp phép. (Trường hợp từ chối cấp phép thì bỏ qua bước này). Đối với trường hợp hồ sơ đã được gửi xin ý kiến thẩm định tại lần tiếp nhận trước và cơ quan chủ trì thẩm định đã có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thì Phòng CPTN chủ trì xem xét, báo cáo Lãnh đạo Cục; trường hợp hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì không đề xuất lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị đã tham gia góp ý trước đó. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền.	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 11 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Các bước thực hiện	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian xử lý (Ngày làm việc)
		Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Cục để trình Lãnh đạo Cục.	
2.3	LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng xem xét, phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục xem xét, phê duyệt kết quả và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư Cục . - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Giấy phép, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có) gửi Văn thư Cục lấy số; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	01 ngày
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày

Các bước thực hiện	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian xử lý (Ngày làm việc)
Bước 5	Lãnh đạo Cục	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN. Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có); Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(Tổng thời gian xử lý hồ sơ là 15 ngày làm việc gồm: 05 ngày làm việc xét tính hợp lệ của hồ sơ; 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

II. Quy trình thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023.
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong

lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

TT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
2	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính
3	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
4	Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP.
5	Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
6	Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó đối với quy định tại khoản 2 Điều 36 mà phải xét điều kiện về vốn điều lệ, quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông
7	Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp DVC trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025: - Phí cung cấp dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.	500.000 đồng/ giấy phép	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	Mẫu số 05 Nghị định 163/2024/NĐ-CP

2	Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép	Mẫu số 02 Nghị định 15/2026/NĐ-CP
3	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	Mẫu số 09 Phụ lục Nghị định 163/2024/NĐ-CP
4	Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông	Mẫu số 10 Nghị định 163/2024/NĐ-CP

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một của của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng Cấp phép tài nguyên (CPTN)	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng về tính hợp lệ, các yêu cầu, điều kiện theo quy định thì dự thảo văn bản thông báo về hồ sơ không hợp lệ; từ chối cấp phép và Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục, nêu rõ lý do không hợp lệ, từ chối cấp phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. + Trường hợp, hồ sơ đáp ứng quy định về tính hợp lệ theo quy định thì gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị trong Cục, Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan về cấp phép (nếu cần thiết) theo thẩm quyền cấp phép. (Trường hợp từ chối cấp phép thì bỏ qua bước này). Đối với trường hợp hồ sơ đã được gửi xin ý kiến thẩm định tại lần tiếp nhận trước và cơ quan chủ trì thẩm định đã có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thì Phòng CPTN chủ trì xem xét, báo cáo Lãnh đạo Cục; trường hợp hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì không đề xuất lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị đã tham gia góp ý trước đó. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 11 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		- Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	
2.3	LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Giấy phép, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có) gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	01 ngày
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Cục	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực	

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		tuyển hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có) Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(Tổng thời gian xử lý hồ sơ là 15 ngày làm việc gồm: 05 ngày làm việc xét tính hợp lệ của hồ sơ; 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

III. Quy trình thủ tục Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023.
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong

lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Mẫu số 01- Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP)
2	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp DVC trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Phí cung cấp dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 56/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC	500.000 đồng/giấy phép	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	Mẫu số 01- Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

3	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp đến ngày đề nghị gia hạn	Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
---	--	---

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một của của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng Cấp phép tài nguyên (CPTN)	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng về tính hợp lệ, các yêu cầu, điều kiện theo quy định thì dự thảo văn bản thông báo về hồ sơ không hợp lệ; từ chối cấp phép và Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục, nêu rõ lý do không hợp lệ, từ chối cấp phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. + Trường hợp, hồ sơ đáp ứng quy định về tính hợp lệ theo quy định thì gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị trong Cục, Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan về cấp phép (nếu cần thiết) theo thẩm quyền cấp phép. (Trường hợp từ chối cấp phép thì bỏ qua bước này). Đối với trường hợp hồ sơ đã được gửi xin ý kiến thẩm định tại lần tiếp nhận trước và cơ quan chủ trì thẩm định đã có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thì Phòng CPTN chủ trì xem xét, báo cáo Lãnh đạo Cục; trường hợp hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì không đề xuất lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị đã tham gia góp ý trước đó. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng.	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 11 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		- Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	
2.3	LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Giấy phép, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có) gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	01 ngày
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Cục	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có)	

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(Tổng thời gian xử lý hồ sơ là 15 ngày làm việc gồm: 05 ngày làm việc xét tính hợp lệ của hồ sơ; 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

IV. Quy trình thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023.
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa

học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1.	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông
2.	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính
3.	Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép
4.	Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp
5.	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép
6.	Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 Luật Viễn thông
7.	Tài liệu chứng minh số tiền đã đầu tư để thiết lập mạng viễn thông trong trường hợp đã đầu tư thiết lập mạng viễn thông trước đó và cần xét đáp ứng quy định về vốn đầu tư trong điều kiện về triển khai mạng viễn thông

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
-----	-----------------------------	---------

1	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp DVC trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ	- Phí cung cấp dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 56/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC	1.000.000 đồng/giấy phép	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP)	Nghị định 163/2024/NĐ-CP
2	Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và Kế hoạch kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP)	Nghị định 15/2026/NĐ-CP
3	Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP)	Nghị định 163/2024/NĐ-CP
4	Mẫu số 10 - Văn bản cam kết thực hiện điều kiện về triển khai mạng viễn thông (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP)	Nghị định 163/2024/NĐ-CP

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một của của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng Cấp phép tài nguyên (CPTN)	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	0.5 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng về tính hợp lệ, các yêu cầu, điều kiện theo quy định thì dự thảo văn bản thông báo về hồ sơ không hợp lệ; từ chối cấp phép và Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục, nêu rõ lý do không hợp lệ, từ chối cấp phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. + Trường hợp, hồ sơ đáp ứng quy định về tính hợp lệ theo quy định thì gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị trong Cục, Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan về cấp phép (nếu cần thiết) theo thẩm quyền cấp phép. (Trường hợp từ chối cấp phép thì bỏ qua bước này). Đối với trường hợp hồ sơ đã được gửi xin ý kiến thẩm định tại lần tiếp nhận trước và cơ quan chủ trì thẩm định đã có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thì Phòng CPTN chủ trì xem xét, báo cáo Lãnh đạo Cục; trường hợp hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì không đề xuất lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị đã tham gia góp ý trước đó. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng.	0.5 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 10 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		- Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	
2.3	LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	0.5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Giấy phép, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có) gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	0.5 ngày
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Cục	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có)	

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(Tổng thời gian xử lý hồ sơ là 13 ngày làm việc gồm: 03 ngày làm việc xét tính hợp lệ của hồ sơ; 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

V. Quy trình thủ tục Xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá, thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023;
- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 sửa đổi, bổ sung năm 2022;
- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung năm 2022;
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện	
1	Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 01 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện).
2	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại Điều 39 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông); hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi khoản 1 và khoản 2 Điều 36 và khoản 1 Điều 40 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp chưa được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông).
4	Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá hoặc thi tuyển theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
5	Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông theo Mẫu 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện).
6	Cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện.
Đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện	
1	Đơn đăng ký tham gia thi tuyển theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện).
2	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi tại Điều 39 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông); hoặc hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông quy định tại khoản 1 Điều 35

	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi khoản 1 và khoản 2 Điều 36 và khoản 1 Điều 40 Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp chưa được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông).
3	Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá hoặc thi tuyển theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
4	Tài liệu khác theo yêu cầu của phương án tổ chức thi tuyển (đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện).

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ cung cấp DVC trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
-Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ -Đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 15 ngày kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển quy định tại phương án tổ chức thi tuyển	Không có	Không có	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1. Mẫu số 01 - Đơn đề nghị cấp giấy xác nhận đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); 2. Mẫu số 04 - Đơn đăng ký tham gia thi tuyển (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP);	Nghị định 63/2023/NĐ-CP

3. Phụ lục IV - Bản cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá (Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP); 4. Mẫu số 02 - Bản cam kết mức trả giá trong trường hợp tổ chức trúng đấu giá đảm bảo phương án kỹ thuật và phương án kinh doanh đáp ứng điều kiện cấp hoặc cấp mới hoặc sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần được cấp phép thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật về viễn thông theo (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP)	
--	--

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một của của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng Cấp phép tài nguyên (CPTN)	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	0.25 ngày
2.2	Chuyên	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật	0.25 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
	viên xử lý trực tiếp	đối với hồ sơ: - Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo cho tổ chức đã nộp hồ sơ biết nếu hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo hồ sơ không hợp lệ, tổ chức phải hoàn thiện và nộp lại hồ sơ theo quy định. 1. Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cấp Giấy xác nhận tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Mẫu 03 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 63/2023/NĐ-CP. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 18a Luật Tần số vô tuyến điện được bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Tần số vô tuyến điện, Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo từ chối cấp giấy xác nhận, nêu rõ lý do 2. Đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh sách tổ chức đáp ứng điều kiện tham gia thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	(trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 10.25 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.3	LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	0.25 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký giấy xác nhận; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	0.25 ngày
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày

(- Trong thời hạn **01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ**, Cục có văn bản thông báo cho tổ chức biết nếu hồ sơ không hợp lệ.

1. Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng tần số: **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

2. Đối với trường hợp thi tuyển quyền sử dụng tần số: **15 ngày** kể từ ngày mở hồ sơ thi tuyển quy định tại phương án tổ chức thi tuyển)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

VI. Quy trình thủ tục Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023.
- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;
- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện	
1	Báo cáo về việc nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện).
2	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện).
3	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.
Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện	
1	Báo cáo về việc nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 30 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện).
2	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện).

3	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.
Trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tàn số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện	
1	Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện (đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tàn số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện)
2	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tàn số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tàn số vô tuyến điện).
3	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không

	khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.
--	--

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
1. Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định	Không có	Không có	Toàn trình
2. Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP	Không có	Không có	
3. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện	- Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn		1.000.000 đồng/giấy phép

10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	thông (Thông tư số 52/2025/TT-BTC) - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 4, Thông tư số 56/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC		
--	--	--	--

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. (đối với doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện).	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	1. Trường hợp 1: doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định, tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. 2. Trường hợp 2: doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều này được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần. 3. Trường hợp 3: doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện - Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng về tính hợp lệ, các yêu cầu, điều kiện theo quy định thì dự thảo văn bản thông báo về hồ sơ không hợp lệ; từ chối cấp phép và Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục, nêu rõ lý do không hợp lệ, từ chối cấp phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. + Trường hợp, hồ sơ đáp ứng quy định về tính hợp lệ theo quy định thì gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị trong Cục, Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan về cấp phép (nếu cần thiết) theo thẩm quyền cấp phép. (Trường hợp từ chối cấp phép thì bỏ qua bước	06 ngày đối với trường hợp 1 và trường hợp 2; 11 ngày đối với trường hợp 3

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		này). Đối với trường hợp hồ sơ đã được gửi xin ý kiến thẩm định tại lần tiếp nhận trước và cơ quan chủ trì thẩm định đã có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thì Phòng CPTN chủ trì xem xét, báo cáo Lãnh đạo Cục; trường hợp hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì không đề xuất lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị đã tham gia góp ý trước đó. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	
2.3	LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có)/ hoặc văn bản từ chối gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	01 ngày
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ chức/doanh nghiệp	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có) Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(1. Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: **10 ngày làm việc** kể từ ngày kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định.

2. Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: **10 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.

3. Trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện: **05 ngày làm việc** xét tính hợp lệ của hồ sơ + **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ).

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

VII. Quy trình thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần số vô tuyến điện

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023;
- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;
- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông;
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc

phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
2	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính (trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy chứng nhận, giấy phép tương đương có thay đổi so với thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép). Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.
3	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP (không áp dụng với trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện).
4	Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP (đối với

	trường hợp quy định tại điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP).
5	Bản sao có chứng thực quyết định của cấp có thẩm quyền về sử dụng băng tần để phát triển kinh tế kết hợp với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện (trường hợp doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 18 Luật Tần số vô tuyến điện được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện).

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông	500.000 đồng/giấy phép	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
-----	--------------	---------------

1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 05	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ
2	Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02.	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ
3	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp giấy phép đến ngày nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép theo theo Mẫu số 09	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC: Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng về tính hợp lệ, các yêu cầu, điều kiện theo quy định thì dự thảo văn bản thông báo về hồ sơ không hợp lệ; từ chối cấp phép và Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục, nêu rõ lý do không hợp lệ, từ chối cấp phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. + Trường hợp, hồ sơ đáp ứng quy định về tính hợp lệ theo quy định thì gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị trong Cục, Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan về cấp phép (nếu cần thiết) theo thẩm quyền cấp phép. (Trường hợp từ chối cấp phép thì bỏ qua bước này). Đối với trường hợp hồ sơ đã được gửi xin ý kiến thẩm định tại lần tiếp nhận trước và cơ quan chủ trì thẩm định đã có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thì Phòng CPTN chủ trì xem xét, báo cáo Lãnh đạo Cục; trường hợp hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì không đề xuất lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị đã tham gia góp ý trước đó. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng.	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 11 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		- Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	
2.3	Chuyên viên xử lý/ LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có)/ hoặc văn bản từ chối gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	01 ngày
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ	Nộp lệ phí/phí:	

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
	chức/d oanh ngành	Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có) Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(Tổng thời gian xử lý hồ sơ là 15 ngày làm việc gồm: 05 ngày làm việc xét tính hợp lệ của hồ sơ; 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

VIII. Quy trình thủ tục Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có sử dụng băng tần.

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023;
- Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;
- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong

lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Báo cáo về việc nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện)
2	Báo cáo về việc nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 30 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện)
3	Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần)
4	Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy chứng nhận hoặc giấy phép tương đương hợp lệ khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính. (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần)
5	Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V Biểu mẫu theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần)

6	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần)
7	Tài liệu chứng minh việc góp đủ vốn điều lệ quy định của pháp luật về doanh nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần);
8	Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần).

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
3	Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
1. Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định	lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí cấp phép hoạt động viễn thông, phí quyền hoạt động viễn thông để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần	..	Toàn trình
2. Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi	lệ phí, phí sử dụng tần số vô tuyến điện, lệ phí, phí cấp	...	Toàn trình

tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP	phép hoạt động viễn thông, phí quyền hoạt động viễn thông để được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần		
3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông	1.000.000 đồng/giấy phép	Toàn trình
4. Trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: Chậm nhất 30 ngày trước ngày giấy phép sử dụng băng tần đã cấp hết hiệu lực, doanh nghiệp đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại điểm b khoản 5 Điều 33 Nghị định số 163/2023/NĐ-CP được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại điểm 1 Mục I	1.000.000 đồng/giấy phép	Toàn trình

	Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông		
--	--	--	--

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ
2	Mẫu số 02 - Kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật trong 05 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép (Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 15/2026/NĐ-CP)	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026
3	Mẫu số 09 - Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông kể từ ngày được cấp tới ngày đề nghị cấp lại giấy phép (Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐCP)	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ
4	Bản cam kết triển khai mạng viễn thông theo mẫu tại Phụ lục IV	Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ

6. Đối tượng thực hiện

Doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	1. Trường hợp 1: doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định, tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông. 2. Trường hợp 2: doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP, tổ chức đã nộp đủ các khoản tiền quy định tại khoản 3 Điều này được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép sử dụng băng tần. 3. Trường hợp 3: doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP - Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng về tính hợp lệ, các yêu cầu, điều kiện theo quy định thì dự thảo văn bản thông báo về hồ sơ không hợp lệ; từ chối cấp phép và Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục, nêu rõ lý do không hợp lệ, từ chối cấp phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. + Trường hợp, hồ sơ đáp ứng quy định về tính hợp lệ theo quy định thì gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị trong Cục, Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan về cấp phép (nếu cần thiết) theo thẩm quyền cấp phép. (Trường hợp từ chối cấp phép thì bỏ qua bước này). Đối với trường hợp hồ sơ đã được gửi xin ý kiến thẩm định tại lần tiếp nhận trước và	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 11 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		cơ quan chủ trì thẩm định đã có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thì Phòng CPTN chủ trì xem xét, báo cáo Lãnh đạo Cục; trường hợp hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì không đề xuất lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị đã tham gia góp ý trước đó. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết 4. Trường hợp 4: băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xét cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp theo thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị cấp phép biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.3	Chuyên viên xử lý/ LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có)/ hoặc văn bản từ chối gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	01 ngày
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ chức/danh nghiệp	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có)	

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

- (1. Trường hợp doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: **10 ngày làm việc** kể từ ngày tổ chức đã nộp đủ các khoản tài chính quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP đúng theo quy định.
2. Trường hợp doanh nghiệp trúng tuyển thi tuyển quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: **10 ngày làm việc** kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 54 Nghị định số 63/2023/NĐ-CP.
3. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP: **05 ngày làm việc** xét tính hợp lệ của hồ sơ + **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
4. Trường hợp băng tần được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần: không xác định thời hạn: **10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

IX. Quy trình thủ tục thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và không sử dụng số thuê bao viễn thông phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24/11/2023;
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
-----	-----------

1	Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 11 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.
---	---

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
3	Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị thu hồi giấy phép	Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông	Không có	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Đơn đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 11	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ

6. Đối tượng thực hiện

Doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	Trường hợp doanh nghiệp chưa chính thức cung cấp dịch vụ hoặc chưa chính thức khai thác mạng viễn thông và tự nguyện hoàn trả giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng (trừ loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện và không sử dụng số thuê bao viễn thông phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) do thay đổi định hướng kinh doanh hoặc không thể triển khai các nội dung giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) quyết định thu hồi giấy phép theo thẩm quyền. - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	04 ngày
2.3	Chuyên viên xử lý/ LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Quyết định thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc văn bản từ chối gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KH-CN).	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ chức/doanh nghiệp	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có) Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(Tổng thời gian xử lý hồ sơ là 08 ngày làm việc)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

X. Quy trình thủ tục cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023;
- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 sửa đổi, bổ sung năm 2022;
- Nghị định số 63/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung năm 2022;
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa

học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Văn bản đề nghị chuyển nhượng có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đề nghị chuyển nhượng
2	Văn bản thỏa thuận giữa tổ chức đề nghị chuyển nhượng và tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng về bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân chịu ảnh hưởng của việc chuyển nhượng
3	Cam kết của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng về việc kế thừa đầy đủ nghĩa vụ của tổ chức chuyển nhượng
4	Báo cáo tình hình thực hiện giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đã được cấp, tình hình thực hiện cam kết triển khai mạng viễn thông sau khi trúng đấu giá của tổ chức đề nghị chuyển nhượng
5	Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông sử dụng băng tần của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng (<i>đối với trường hợp tổ chức nhận chuyển nhượng đã có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần đề nghị nhận chuyển nhượng</i>)
6	Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông hoặc văn bản đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông của tổ chức đề nghị chuyển nhượng
7	Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông có sử dụng băng tần của tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về viễn thông (<i>đối với trường hợp tổ chức nhận chuyển nhượng chưa có giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng băng tần đề nghị nhận chuyển nhượng</i>)

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
3	Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Thông tư số 265/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016. - Thông tư số 52/2025/TT-BTC ;Thông tư số 56/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Thông tư số 265/2016/TT-BTC Thông tư số 52/2025/TT-BTC; Thông tư số 56/2026/TT-BTC sửa đổi, bổ sung điểm 1 Mục I Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông ban hành kèm theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Không có	

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức đề nghị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện ở chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng về tính hợp lệ, các yêu cầu, điều kiện theo quy định thì dự thảo văn bản thông báo về hồ sơ không hợp lệ; từ chối cấp phép và Phiếu trình báo cáo Lãnh đạo Cục, nêu rõ lý do không hợp lệ, từ chối cấp phép. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp. + Trường hợp, hồ sơ đáp ứng quy định về tính hợp lệ theo quy định thì gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các đơn vị trong Cục, Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan về cấp phép (nếu cần thiết) theo thẩm quyền cấp phép. (Trường hợp từ chối cấp phép thì bỏ qua bước này). Đối với trường hợp hồ sơ đã được gửi xin ý kiến thẩm định tại lần tiếp nhận trước và cơ quan chủ trì thẩm định đã có văn bản thông báo, trong đó nêu rõ yêu cầu hoàn thiện, bổ sung hồ sơ, thì Phòng CPTN chủ trì xem xét, báo cáo Lãnh đạo Cục; trường hợp hồ sơ đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thì không đề xuất lấy lại ý kiến của các cơ quan, đơn vị đã tham gia góp ý trước đó. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông xem xét quyết định việc cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện. Trường hợp từ chối cấp phép, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Cục Viễn thông thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối cho doanh nghiệp đề nghị chuyển nhượng biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng.	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 25 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		- Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	
2.3	Chuyên viên xử lý/ LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 04 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng, Quyết định thu hồi hoặc Giấy phép sửa đổi cho doanh nghiệp chuyển nhượng; Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có)/ hoặc văn bản từ chối gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 03 ngày (trường hợp hồ sơ
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
			hợp lệ)
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ chức/doanh nghiệp	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có) Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(Tổng thời gian xử lý hồ sơ là 35 ngày làm việc gồm: 05 ngày làm việc xét tính hợp lệ của hồ sơ; 30 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

XI. Quy trình thủ tục Cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa

học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
2	Bản sao hợp lệ giấy tờ pháp lý của tổ chức đề nghị cấp phép (quyết định thành lập, giấy phép hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài hoặc tài liệu tương đương khác theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc bản sao đối chiếu với bản chính. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.
3	Bản sao điều lệ hoạt động của tổ chức, văn bản quy định cơ cấu tổ chức chung hoặc hình thức liên kết, hoạt động chung giữa các thành viên
4	Đề án lắp đặt cáp viễn thông trên biển bao gồm các nội dung chính sau: các văn bản pháp lý liên quan đến phê duyệt đầu tư tuyến cáp (nếu có); tổng quan về tổ chức đề nghị cấp phép; sự cần thiết đầu tư tuyến cáp; hiện trạng mạng lưới, nhu cầu phát triển thị trường, xác định rõ tính chất, mục tiêu và phạm vi của tuyến cáp; hình thức đầu tư, tổng vốn đầu tư, tỷ lệ góp vốn của các thành viên, tỷ lệ sở hữu dung lượng, các trạm cập bờ trên toàn tuyến cáp; thông số kỹ thuật của tuyến cáp (tổng chiều dài toàn tuyến, tổng chiều dài trong vùng biển Việt Nam, tọa độ điểm vào, tọa độ điểm ra vùng biển của Việt Nam); dự kiến tọa độ tuyến cáp đề nghị lắp đặt, đường đi của tuyến cáp phải trình bày trên bản đồ thể hiện đúng chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, địa giới hành chính của Việt Nam theo quy định pháp luật đo đạc và bản đồ (bản đồ hành chính Việt Nam tỷ lệ 1:9.000.000); số đôi sợi, công nghệ sử dụng, dung lượng thiết kế, dung lượng trang bị; kế hoạch thi công (lịch trình chi tiết và phương án thi công để thực hiện việc khảo sát, dọn dẹp, chạy neo, kiểm tra sau rải và chôn lấp); dự kiến thời điểm bắt đầu khảo sát, thời điểm bắt đầu lắp đặt, ngày chính thức khai thác một phần hoặc toàn bộ tuyến cáp; kế hoạch bảo dưỡng tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam trong 05 năm đầu kể từ ngày chính thức khai thác một phần hoặc toàn bộ tuyến cáp; phương án đảm bảo an toàn cho phương tiện, con người trong quá trình thi công, đảm bảo

	an toàn, an ninh cho các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển tại vùng biển tuyến cáp đi qua; phương án đảm bảo an ninh, môi trường biển trong quá trình khảo sát, thi công tuyến cáp và các vấn đề liên quan đến khảo sát biển, hoạt động ngầm dưới biển; cam kết về việc đảm bảo an toàn và bồi thường cho các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển của Việt Nam nếu do lỗi của tàu, thuyền vào khảo sát, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, thu hồi tuyến cáp gây ra hư hỏng các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trên biển này
--	---

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
3	Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
-10 ngày xét tính hợp lệ của hồ sơ - 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ: Quốc Phòng, Tài nguyên và Môi trường, Công thương và các cơ quan, tổ chức có liên quan. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	<i>Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:</i> Phí lắp đặt cáp viễn thông trên biển: Lắp đặt cáp viễn thông trên biển, bao gồm cả hoạt động khảo sát, lắp đặt, sửa chữa cáp viễn thông trên biển trước ngày chính thức khai thác tuyến cáp (nộp một lần cho toàn bộ thời hạn giấy phép, bao gồm cả thời gian gia hạn): 1.000.000 USD	1.000.000 đồng/giấy phép	Một phần

lấy ý kiến, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản -16 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo thẩm quyền			
---	--	--	--

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ: + Tiếp nhận và <i>xét tính hợp lệ</i> của hồ sơ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết. + Gửi hồ sơ lấy ý kiến các Bộ: Quốc phòng, Ngoại giao, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. + Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời phải nêu rõ đồng ý cấp phép theo nội dung hồ sơ nhận được hoặc đồng ý cấp phép kèm theo các điều kiện, biện pháp thực hiện mà tổ chức đề nghị cấp phép phải đáp ứng hoặc thực hiện bổ sung để được cấp phép. + Trong thời hạn <i>16 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến trả lời của các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét cấp giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo thẩm quyền. + Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Cục để chuyển Lãnh đạo Cục.	04 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 36 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.3	Chuyên viên xử lý/ LĐ phòng/VT /LĐC/LĐ B	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình chuyển văn thư Cục trình Lãnh đạo Cục để trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.	02 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 07 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)
Bước 3	Lãnh đạo Cục/LĐB	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Phiếu trình trình Lãnh đạo Bộ Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có)/ hoặc văn bản từ chối gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KH-CN).	02 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 06 ngày (trường hợp hồ sơ hợp lệ)
		Không đồng ý: Lãnh đạo Bộ cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Cục Viễn thông xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép. Lãnh đạo Cục có ý kiến chuyển Phòng CPTN thực hiện lại bước 3.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ chức/doanh nghiệp	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng	

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có) Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(Tổng thời gian xử lý hồ sơ là 51 ngày làm việc gồm: 10 ngày xét tính hợp lệ của hồ sơ; 41 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

XII. Quy trình thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển theo Mẫu số 13 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
2	Nội dung chi tiết của việc sửa đổi, bổ sung giấy phép và các tài liệu có liên quan khác

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
3	Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
- 12 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép khi thay đổi tên tổ chức được cấp phép. - 35 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép khi thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp trong vùng biển Việt Nam	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí: không	500.000 đồng/giấy phép	Một phần

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu số 13 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Đánh giá tính hợp lệ, thẩm định đáp ứng yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật đối với hồ sơ; + Tiếp nhận và xét tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết. * Trường hợp 1: không thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) xét sửa đổi, bổ sung giấy phép theo thẩm quyền trên cơ sở việc tuân thủ nội dung giấy phép đã được cấp và các quy định pháp luật có liên quan. * Trường hợp 2: có thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến các cơ quan như quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP và thời gian xét sửa đổi, bổ sung có thể kéo dài nhưng không được quá 35 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép biết - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Cục để chuyển Lãnh đạo Cục.	04 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 07 ngày (trường hợp 1); 22 ngày (trường hợp 2)
2.3	Chuyên viên xử	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình chuyển văn thư Cục trình Lãnh đạo Cục để trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 03 ngày (trường hợp

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
	lý/ LĐ phòng/VT /LĐC/LĐ B	- Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt.	1); 08 ngày (trường hợp 2)
Bước 3	Lãnh đạo Cục/LĐB	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Phiếu trình trình Lãnh đạo Bộ Giấy phép lắp đặt cáp viễn thông trên biển, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có)/ hoặc văn bản từ chối gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	01 ngày (trường hợp hồ sơ không hợp lệ); 02 ngày (trường hợp 1); 05 ngày (trường hợp 2)
		Không đồng ý: Lãnh đạo Bộ cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Cục Viễn thông xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép. Lãnh đạo Cục chú ý kiến chuyển Phòng CPTN thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ chức/doanh nghiệp	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục/Bộ thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có). Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(1. Trường hợp không thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp: **08 ngày làm việc** xét tính hợp lệ của hồ sơ + **12 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

2. Trường hợp thay đổi vị trí lắp đặt tuyến cáp: **08 ngày làm việc** xét tính hợp lệ của hồ sơ + **35 ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

XIII. Quy trình thủ tục ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Thông tư số 52/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 56/2026/TT-BTC ngày 15/05/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông.
- Thông tư số 13/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép viễn thông, yêu cầu chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông;
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN ngày 20/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông theo Mẫu số 02 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 163/2024/NĐ-CP
2	Báo cáo tình hình kinh doanh đối với dịch vụ dự kiến ngừng kinh doanh: Doanh thu, lợi nhuận, sản lượng, thị phần, số người sử dụng dịch vụ
3	Biện pháp và cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và các bên có liên quan
4	Phương án bảo đảm cung cấp cho người sử dụng dịch vụ viễn thông các dịch vụ viễn thông thay thế, chuyển người sử dụng dịch vụ viễn thông sang sử dụng dịch vụ viễn thông tương ứng của doanh nghiệp viễn thông khác hoặc thoả thuận bồi thường cho người sử dụng dịch vụ trong trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông mà không chấm dứt hoạt động
5	Phương án tổ chức lại hoặc phương án phá sản, giải thể doanh nghiệp, biện pháp bảo đảm tiếp tục duy trì việc cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng trong trường hợp ngừng kinh doanh do chấm dứt hoạt động

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
3	Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)			Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí		

- 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông do chấm dứt hoạt động	Thực hiện theo Thông tư số 52/2025/TT-BTC ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau: - Phí thiết lập mạng viễn thông công cộng: nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Mục I.2 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông. - Phí dịch vụ viễn thông: nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 5, Mục I.1 Biểu mức thu phí quyền hoạt động viễn thông, lệ phí cấp giấy phép viễn thông.	Không có	Toàn trình
--	---	----------	------------

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Mẫu số 02 tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.	Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Trường hợp 1: ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông mà không chấm dứt hoạt động: + Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ trả lời chấp thuận hoặc từ chối bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. - Trường hợp 2: ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông do chấm dứt hoạt động: + Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan có liên quan cho ý kiến đối với phương án tổ chức lại doanh nghiệp hoặc phương án phá sản, giải thể doanh nghiệp và trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	18 ngày (trường hợp 1); 37 ngày (trường hợp 2)
2.3	Chuyên viên xử lý/ LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	06 ngày (trường hợp 1); 14 ngày (trường hợp 2)
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký văn bản gửi doanh nghiệp; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KH-CN).	04 ngày (trường hợp 1); 07 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc) (trường hợp 2)
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ chức/doanh nghiệp	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có) Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(1. Trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông mà không chấm dứt hoạt động: 30 **ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

2. Trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông do chấm dứt hoạt động: 60 **ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

XIV. Quy trình thủ tục Phân bổ mã, số viễn thông theo phương thức trực tiếp

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông.
- Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Thông tư số 55/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo <i>Mẫu số 01 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP</i>
2	Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp) hoặc bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với các cơ quan, tổ chức không phải là doanh nghiệp) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu

	câu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính
3	Kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP
4	Báo cáo hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông khi đề nghị phân bổ lần thứ 02 trở đi theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
3	Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (áp dụng đối với loại mã, số viễn thông đưa ra niêm yết để lựa chọn đấu giá)		Theo quy định của Bộ Tài chính: 350.000 đồng/lần phân bổ (theo quy định tại Thông tư số 55/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí phân bổ và phí sử dụng mã, số viễn thông).	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Đơn đề nghị phân bổ mã, số viễn thông theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

	ban hành kèm theo Nghị định số 15/2026/NĐ-CP	
2	Kế hoạch sử dụng mã, số viễn thông theo Mẫu số 03	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP
3	Báo cáo hiệu suất sử dụng mã, số viễn thông khi đề nghị phân bổ lần thứ 02 trở đi theo Mẫu số 04	Nghị định số 15/2026/NĐ-CP

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	0.5 ngày (trường hợp 1); 01 ngày (trường

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
			hợp 2)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Trường hợp 1: Trong thời hạn <i>05 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định, ban hành quyết định phân bổ mã, số viễn thông. Trường hợp từ chối phân bổ mã, số viễn thông, trong thời hạn <i>05 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Viễn thông có văn bản trả lời, nêu rõ lý do từ chối. Trường hợp 2: tổ chức, doanh nghiệp đề nghị phân bổ loại mã, số viễn thông phải đưa ra niêm yết để lựa chọn đấu giá thì thời hạn thẩm định là 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ. - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	02 ngày (trường hợp 1); 31 ngày (trường hợp 2)
2.3	Chuyên viên xử lý/ LĐ phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	01 ngày (trường hợp 1); 07 ngày (trường hợp 2)
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký quyết định phân bổ mã, số viễn thông, Thông báo phí, lệ phí và công văn (nếu có)/ hoặc văn bản từ chối gửi khách hàng; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KHCN).	0.5 ngày (trường hợp 1); 05

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý làm rõ hồ sơ thẩm định cấp phép, thực hiện lại bước 2.2.	ngày (trường hợp 2)
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyên thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày
Bước 5	Tổ chức/ doanh nghiệp	Nộp lệ phí/phí: Kế toán Cục thực hiện việc thu lệ phí, phí qua cổng thanh toán dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển khoản, xác nhận việc nộp lệ phí với Bộ phận tiếp nhận/Phòng CPTN, Chuyên viên xử lý Phòng CPTN (nếu có) Thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí/lệ phí không tính vào thời gian giải quyết TTHC	

(1. Trường hợp 1: 05 **ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ

2. Trường hợp 2: 45 **ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ)

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

XV. Quy trình thủ tục Hoàn trả mã, số viễn thông được phân bổ theo phương thức trực tiếp

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông.
- Nghị định số 133/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn".
- Nghị định số 15/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP của Chính phủ về việc Phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ
- Quyết định số 2527/QĐ-BKHCN ngày 21/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

STT	Tên hồ sơ
1	Đơn đề nghị hoàn trả mã số viễn thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2025/NĐ-CP
2	Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với tổ chức, doanh nghiệp); bản sao thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước (đối với cá nhân) bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản được in từ các văn bản điện tử từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia. Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Đối với căn cước công dân hoặc căn cước thì cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thực hiện việc khai thác các thông tin, giấy tờ này từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá

	nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính
--	--

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	Số 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
2	Nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ dịch vụ công trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không có	Không có	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

STT	Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1	Đơn đề nghị hoàn trả mã số viển thông theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 15/2025/NĐ-CP	Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 6 năm 2025
2	Quyết định về việc hoàn trả mã, số viển thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.	Nghị định số 115/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 6 năm 2025

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN	- Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính	0.5 ngày
Bước 2			
2.1	Lãnh đạo Phòng CPTN	Lãnh đạo Phòng nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý	0.5 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
2.2	Chuyên viên xử lý trực tiếp	- Trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) thẩm định, ban hành quyết định về việc hoàn trả mã, số viễn thông theo Mẫu số 09 tại Phụ lục Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 115/2025/NĐ-CP. - Trường hợp không chấp nhận việc hoàn trả mã, số viễn thông, trong thời hạn <i>03 ngày làm việc</i> kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Viễn thông có văn bản thông báo và nêu rõ lý do không chấp nhận. - Chuyên viên trình kết quả xử lý trình Lãnh đạo Phòng. - Lãnh đạo Phòng ký số phiếu trình và ký nháy kết quả xử lý, chuyển văn thư Phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình và chuyển phiếu trình cùng dự thảo kết xử lý lên văn thư Cục.	1.5 ngày
2.3	Chuyên viên xử lý/ LD phòng/ Phòng CPTN	- Sau khi thẩm định, Chuyên viên xử lý gửi kết quả thẩm định trình Lãnh đạo Phòng phê duyệt. Lãnh đạo Phòng ký Phiếu trình Lãnh đạo Cục và ký nháy vào các văn bản trình kèm, chuyển Văn thư phòng. - Phòng CPTN lấy số Phiếu trình của Phòng và chuyển Phiếu trình Lãnh đạo Cục về kết quả thẩm định hồ sơ cho Văn thư Cục. - Văn thư Cục kiểm tra thể thức văn bản của các văn bản trình kèm Hồ sơ thẩm định và trình Lãnh đạo Cục	0.5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Cục	Đồng ý: Lãnh đạo Cục ký Quyết định về việc chấp nhận hoàn trả mã, số viễn thông/ hoặc văn bản từ chối gửi tổ chức, doanh nghiệp; chuyển Bộ phận một cửa (trình theo đường văn bản điện tử của Bộ KH-CN).	0.5 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		Không đồng ý: Lãnh đạo Cục cho ý kiến chỉ đạo, yêu cầu Phòng CPTN xử lý, thực hiện lại bước 2.2.	
Bước 4	Bộ phận một cửa	Thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp: Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ đề nghị cấp phép cho Bộ phận một cửa.	0.5 ngày

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.

XVI. Quy trình thủ tục Kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Viễn thông năm 2023.
- Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009.
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007.
- Luật sửa đổi, bổ sung Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025.
- Nghị định số 163/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông.
- Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện.
- Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành danh mục và quy trình kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện bắt buộc kiểm định, sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT.
- Thông tư số 82/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông.
- Thông tư số 21/2026/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực viễn thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Quyết định số 2629/QĐ-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Thành phần hồ sơ

2.1. Đối với trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng

- a) Đơn đề nghị kiểm định
- b) Kết quả đo kiểm theo mẫu tại Phụ lục 02 Thông tư 07/2023/TT-BTTTT;
- c) Các tài liệu mô tả, hướng dẫn sử dụng thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (trong trường hợp kiểm định lần đầu).

2.2. Đối với đài phát thanh, đài phát hình

- a) Đơn đề nghị kiểm định
- b) Kết quả đo theo mẫu tại Phụ lục số 03 Thông tư 08/2020/TT-BTTTT.
- c) Các tài liệu mô tả, hướng dẫn sử dụng thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện (trong trường hợp kiểm định lần đầu).

3. Cách thức, địa chỉ nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC

STT	Cách thức nộp, nhận kết quả	Địa chỉ
1	Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ	
3	Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia	https://dichvucong.gov.vn

4. Thời gian giải quyết, phí, lệ phí, mức độ DVC trực tuyến

Thời gian giải quyết	Mức thu (Việt Nam đồng)		Mức độ DVC trực tuyến
Ngày	Phí	Lệ phí	
11 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định theo quy định. (Trường hợp có sự không phù hợp trong quá trình thẩm định, thời hạn giải quyết được cộng thêm 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức kiểm định nhận được hồ sơ khắc phục của tổ chức, doanh nghiệp)	1.000.000 đồng/ lần thẩm định	Không có	Toàn trình

5. Các biểu mẫu trong giải quyết TTHC

Tên biểu mẫu	Cơ sở pháp lý
1. Đơn đề nghị kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện theo mẫu tại Phụ lục 01 Thông tư 07/2020/TT-BTTTT	Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT
2. Kết quả đo kiểm theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2023/TT-BTTTT đối với trường hợp đo kiểm trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng.	Thông tư số 08/2020/TT-BTTTT
3. Kết quả đo kiểm theo mẫu tại Phụ lục 03 Thông tư 08/2020/TT-BTTTT đối với trường hợp đo kiểm đài phát thanh, truyền hình.	

6. Đối tượng thực hiện

Tổ chức, doanh nghiệp.

7. Cơ quan giải quyết TTHC

Cục Viễn thông

8. Quy trình giải quyết

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
Bước 1	Tiếp nhận		
	Bộ phận Một cửa của Bộ KHCN (phối hợp với chuyên viên của Trung tâm Đo lường chất lượng Viễn thông (TTĐLCL))	Cán bộ trực bộ phận một cửa phối hợp với chuyên viên của TTĐL kiểm tra hồ sơ kiểm định nộp trên Cổng DVC trực tuyến: - Kiểm tra và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định: thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ trong một lần. - Nếu hồ sơ của tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ, đúng quy định thì khởi tạo hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, tiếp nhận và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy trình quy định. - Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác thì cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gửi ngay văn bản đề yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ và nêu rõ lý do. Thời gian yêu cầu và bổ sung hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính.	01 ngày
Bước 2	Phân công		
	Lãnh đạo Phòng thuộc	Lãnh đạo Phòng thuộc TTĐLCL nhận hồ sơ trực tuyến từ Hệ thống DVC trực tuyến, phân công chuyên viên của Phòng xử lý.	01 ngày

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
	TTĐLCL		
Bước 3	Kiểm tra hồ sơ, thông báo phí		02 ngày
	Chuyên viên xử lý	Chuyên viên xử lý lập Thông báo tiếp nhận hồ sơ, phí thẩm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện gửi tổ chức, doanh nghiệp trên Hệ thống DVC trực tuyến: - Rà soát danh mục, số lượng thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện trong đơn đề nghị để xác định phí thẩm định theo quy định. - Lập dự thảo văn bản Thông báo tiếp nhận hồ sơ, phí thẩm định; trình Lãnh đạo Phòng xem xét và ký nháy; chuyển đến Lãnh đạo TTĐLCL phê duyệt và ký ban hành. - Chuyên viên xử lý gửi thông báo đến tổ chức, doanh nghiệp trên Hệ thống DVC trực tuyến. - Chuyên viên thực hiện tạm dừng xử lý hồ sơ kể từ ngày phát hành thông báo phí để chờ tổ chức doanh nghiệp nộp phí thẩm định.	
Bước 4	Theo dõi nộp phí		
	Chuyên viên xử lý/Bộ phận Kế hoạch – Tài chính thuộc TTĐLCL	Chuyên viên xử lý phối hợp Bộ phận Kế hoạch - Tài chính thuộc TTĐLCL theo dõi thời gian tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định: <i>*) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không nộp phí đúng thời hạn:</i> - Chuyên viên xử lý lập dự thảo văn bản từ chối thẩm định do quá hạn nộp phí; trình Lãnh đạo Phòng xem xét và ký nháy; chuyển đến Lãnh đạo TTĐLCL phê duyệt và ký ban hành. - Chuyên viên xử lý thực hiện từ chối thẩm định trên Hệ thống DVC trực tuyến. - Chuyển sang bước 6. <i>*) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp phí đúng hạn:</i> - Chuyên viên xử lý cập nhật thông tin doanh nghiệp đã nộp phí. - Chuyên viên xử lý chuyển trạng thái tiếp tục xử lý hồ sơ trên Hệ thống DVC trực tuyến.	05 ngày (Thời gian theo dõi doanh nghiệp nộp phí, không tính vào thời hạn giải quyết TTHC)

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		- Chuyển sang bước 5.	
Bước 5	Xử lý hồ sơ		
5.1	Chuyên viên xử lý	- Thực hiện thẩm định hồ sơ gồm: Đơn đề nghị kiểm định; Danh sách thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện kèm theo đơn, các Kết quả đo kiểm và các Tài liệu kèm theo (nếu có) phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định pháp luật có liên quan. <i>*) Trường hợp hồ sơ phù hợp trong quá trình thẩm định:</i> - Chuyên viên xử lý đề xuất và lập dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định; trình Lãnh đạo Phòng xem xét và ký nháy; chuyển đến Lãnh đạo TTĐLCL phê duyệt và ký ban hành. - Chuyển sang bước 6. <i>*) Trường hợp có sự không phù hợp trong quá trình thẩm định:</i> - Chuyên viên xử lý lập dự thảo văn bản thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp nêu rõ điểm không phù hợp; trình Lãnh đạo Phòng xem xét và ký nháy; chuyển đến Lãnh đạo TTĐLCL phê duyệt và ký ban hành. - Chuyên viên xử lý thực hiện yêu cầu bổ sung trên Hệ thống DVC trực tuyến (kèm theo văn bản thông báo cho tổ chức, doanh nghiệp nêu rõ điểm không phù hợp). - Chuyển sang bước 5.2.	11 ngày (<i>Tính từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp phí thẩm định theo quy định</i>)
5.2	Chuyên viên xử lý	- Chuyên viên xử lý theo dõi hồ sơ khắc phục những điểm không phù hợp của tổ chức, doanh nghiệp. <i>*) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ khắc phục đúng hạn:</i> - Chuyên viên xử lý chuyển sang bước 5.3. <i>*) Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ khắc phục quá hạn:</i>	8 ngày (<i>Thời gian chờ doanh nghiệp nộp hồ sơ khắc</i>

Tên bước	Đơn vị/ người thực hiện	Nội dung công việc	Thời hạn giải quyết (Ngày làm việc)
		- Chuyên viên xử lý dự thảo văn bản thông báo từ chối tiếp tục thẩm định; trình Lãnh đạo Phòng xem xét và ký nháy; chuyển đến Lãnh đạo TTĐLCL phê duyệt và ký ban hành. - Chuyển sang bước 6.	<i>phục không tính vào thời hạn giải quyết TTHC)</i>
5.3	Chuyên viên xử lý	Chuyên viên xử lý tiếp tục thẩm định hồ sơ khắc phục những điểm không phù hợp của tổ chức, doanh nghiệp. <i>*) Trường hợp hồ sơ khắc phục phù hợp trong quá trình thẩm định:</i> - Chuyên viên xử lý đề xuất và dự thảo Giấy chứng nhận kiểm định; trình Lãnh đạo Phòng xem xét và ký nháy; chuyển đến Lãnh đạo TTĐLCL phê duyệt và ký ban hành. - Chuyển sang bước 6. <i>*) Trường hợp hồ sơ khắc phục có sự không phù hợp trong quá trình thẩm định:</i> - Chuyên viên xử lý dự thảo văn bản Thông báo danh sách thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện không được cấp Giấy chứng nhận kiểm định; trình Lãnh đạo Phòng xem xét và ký nháy; chuyển đến Lãnh đạo TTĐLCL phê duyệt và ký ban hành. - Chuyển sang bước 6.	5 ngày (<i>Tính từ ngày tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ khắc phục</i>)
Bước 6	Trả kết quả		1 ngày
	Bộ phận một cửa	Bộ phận một cửa phối hợp với Chuyên viên xử lý chuyển thông báo kết quả hồ sơ cho tổ chức, doanh nghiệp. Chuyển bước tiếp theo (mặc định chuyển Tài khoản Bộ phận một cửa trả kết quả.	

9. Trách nhiệm trả kết quả giải quyết và lưu trữ hồ sơ TTHC

- Chuyển kết quả giải quyết TTHC bản giấy về bộ phận một cửa (nếu có), đảm bảo thời hạn trả kết quả.
- Trả kết quả giải quyết TTHC bản điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.
- Lưu trữ hồ sơ TTHC theo quy định của pháp luật về lưu trữ và theo pháp luật chuyên ngành.